

# Tìm hiểu chiến sự Đà Nẵng (1858-1860)

Trình Trâm

*Hình ảnh mô phỏng liên quân Pháp - Tây Ban Nha đổ bộ vào thành Điện Hải*

## a. Giới thiệu sơ lược về các tài liệu từ Tây Ban Nha

- Carlos Palanca Gutiérrez, “Reseña histórica de la expedición de Cochinchina”, Madrid, 1869 (tạm dịch “Tuồng thuật lịch sử về cuộc viễn chinh ở Nam kỳ”):

Đây là một trong những nguồn tư liệu quân sự quan trọng nhất về một phần lịch sử đương đại của Tây Ban Nha mà hầu như ít người biết tới, sự tham gia của quân đội Tây Ban Nha cùng với nước Pháp trong cuộc chiến tranh ở An Nam vào nửa sau thế kỷ XIX, và từ đó dẫn tới sự khởi đầu chính sách thuộc địa của người Pháp ở Đông Dương. Sách không chỉ mô tả về những hành động quân sự của Liên quân Pháp – Tây Ban Nha trong suốt cuộc chiến với tên gọi “Cuộc chiến tranh ở Nam kỳ” từ năm 1858 đến năm 1863, mà còn chỉ ra một cách tường tận vai trò nòng cốt của quân đội Tây Ban Nha trong chiến dịch này (bao gồm 1.200 lính Tây Ban Nha và các chỉ huy quân sự).

- Luis Alejandro Sintés, “La guerra de la Cochinchina. Cuando los españoles conquistaron Vietnam”, Barcelona, 2006 (tạm dịch “Cuộc chiến tranh ở Cochinchina. Khi Tây Ban Nha xâm chiếm Việt Nam”):

Dựa trên sự nghiệp quân sự lừng lẫy của đại tá Carlos Palanca (1819 – 1876) và sự tham khảo các nguồn tài liệu từ phía Tây Ban Nha và Pháp, Luis Alejandro Sintés phân tích các khía cạnh khác nhau về một cuộc phiêu lưu vĩ đại nhất của quân đội Tây Ban Nha ở nước ngoài: bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội lúc đó, sự phối hợp không ăn ý và thậm chí là sự đụng chạm giữa các cơ quan chính trị, ngoại

giao và quân sự, mối quan hệ giữa quân đội Tây Ban Nha và quân đội Pháp, cuộc chiến khốc liệt với các phương tiện và hoàn cảnh khó khăn, các chiến dịch, sự tổn thất sinh mạng và cả tình hình kinh tế,... Luis Alejandro Sintés phân tích một cách trung thực một giai đoạn lịch sử Tây Ban Nha thường bị sử gia tránh né, và nêu ra những hậu quả thảm khốc mà đôi khi là do thiếu sự phối hợp giữa chính phủ và quân đội.

- Francisco Gainza, “La Campaña de Cochinchina”, Málaga, 1997 (tạm dịch “Chiến dịch Nam kỳ”):

Francisco Gainza mô tả giai đoạn đầu của chiến dịch của đội quân viễn chinh Pháp với sự hỗ trợ của một đạo quân Tây Ban Nha ở Philippines đến Nam kỳ (Cochinchina) với mục đích trừng phạt triều đình Huế đã sát hại các nhà truyền giáo người Tây Ban Nha thuộc dòng Dominicain. Từ một chiến dịch mang tính chất trừng phạt đã biến thành một cuộc chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ, Đông Dương rơi vào tay cai trị của người Pháp. Chiến dịch ở Nam kỳ là một trong những giai đoạn lịch sử bị quên lãng nhất trong lịch sử Tây Ban Nha.

## b. Sơ lược nội dung các sách từ phía Tây Ban Nha

- Carlos Palanca Gutiérrez, “Reseña histórica de la expedición de Cochinchina”, Madrid, 1869 (tạm dịch “Tuồng thuật lịch sử về cuộc viễn chinh ở Nam kỳ”):

Trong lời mở đầu sách, sĩ quan quân đội Alejandro Campo y Fernández viết như sau:

“Việc quân đội Tây Ban Nha tham gia vào cuộc chiến ở Cochinchina, miền Nam Việt Nam hiện

nay, là một ví dụ rõ nét cho sự thiếu quan tâm của chúng ta về lịch sử của đất nước mình. (...) Hiện nay, nếu chúng ta đọc sách giáo khoa về lịch sử trình độ cử nhân, chúng ta sẽ phát hiện ra một cách ngỡ ngàng rằng, sách giáo khoa chỉ dành một vài đoạn ngắn để kể sơ lại về một cuộc chiến đã lấy đi sinh mạng của hơn 1.000 lính của quân đội Tây Ban Nha ở cái vùng đất xa xôi và thù địch ấy, và sự kiện trên không có lẽ tưởng niệm lịch sử như nó xứng đáng phải có.

Sự tham gia của Tây Ban Nha vào cuộc chiến ở Cochinchina là kết quả của cam kết quốc tế sau khi ký kết hiệp ước liên minh bốn nước (Cuádruple Alianza) giữa Anh, Bồ Đào Nha, Pháp và Tây Ban Nha. Nước Pháp, với tham vọng về thương mại, đã yêu cầu sự hỗ trợ của Tây Ban Nha và yêu cầu sự hợp tác của đội quân Tây Ban Nha đang đóng quân ở Phillipines, bao gồm 1.500 lính Tây Ban Nha và tagalo (Phillippines) dưới sự chỉ huy của đại tá Ruiz de Lanzarote (...). Có thể do sự phối hợp thiếu ăn ý giữa Tây Ban Nha và thống đốc ở Phillipines đã ngăn không cho hiệp ước hòa bình được ký giữa Pháp và hoàng đế Annam đạt được kết quả tốt hơn. Tây Ban Nha đành phải đóng vai là một “khán giả” của một hiệp ước đình chiến mang lại quá nhiều lợi thế cho nước Pháp (...). Quyển sách của tướng Carlos Palanca cũng là để khẳng định vai trò chủ chốt của quân đội Tây Ban Nha, mà nhờ vào đó, đã giúp cho nước Pháp giành thắng lợi trên miền đất xa xôi đó. Vào năm 1902, nước Pháp thống nhất được Đông Dương. Tây Ban Nha không hưởng được bất kỳ lợi ích thiết thực nào trong cuộc chiến này. Quân đội Tây Ban Nha trở về Phillipines, và lịch sử Tây Ban Nha, như một điều thường thấy ở Tây Ban Nha, bắt đầu chính thức “quên” đi cuộc viễn chinh đã giúp cho nước Pháp thôn tính Việt Nam”.

Về sự lãng quên về giai đoạn lịch sử này, Ángel Luis Encinas Moral, giảng viên khoa Triết học trường Đại học Complutense, Madrid, trong “Breve introducción histórica a la gesta del ejército español en el transcurso de la expedición militar franco – española a Cochinchina (1859 – 1862)”, tạm dịch sang tiếng Việt, “Sơ lược về lịch sử hoạt động của quân đội Tây Ban Nha trong cuộc viễn chinh của liên minh Pháp – Tây Ban Nha ở Nam kỳ (1859 – 1862)” viết rằng:

“Thế hệ này, cũng như bao thế hệ khác ở Tây Ban Nha, hoàn toàn không biết gì về nguồn gốc cũng như diễn tiến của xung đột Tây Ban Nha – Pháp – Annam trong giai đoạn 1858 đến 1862, trong lúc mà quân đội Tây Ban Nha đóng vai trò quyết định ở các chiến trường của vương quốc Annam, tham gia vào cuộc viễn chinh Pháp – Tây Ban Nha ở Nam kỳ, gồm cả thủy 13 tàu chiến và 3.000 lính của quân đội Tây Ban Nha và Pháp”.

Ông cho rằng, sở dĩ người dân Tây Ban Nha ít ai biết tới giai đoạn lịch sử này phần lớn là do những lời tiết lộ lịch sử về cuộc viễn chinh, cũng như sự

tham gia của Tây Ban Nha chỉ được xuất bản nửa sau thế kỷ XIX, và sau đó không tái bản lại nữa. Bên cạnh đó, ký ức của Tây Ban Nha về cuộc viễn chinh Pháp – Tây Ban Nha ở Cochinchina gần như hoàn toàn bị xóa bỏ bởi các hậu quả mà Tây Ban Nha phải chịu do sự sụp đổ của đế chế và quân đội với sự mất đi các thuộc địa tại Cuba, Phillipines và Puerto Rico sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Tây Ban Nha – Hoa Kỳ vào năm 1898, một đòn giáng nghiêm trọng vào nhận thức của xã hội Tây Ban Nha, vào uy tín của chế độ quân chủ Tây Ban Nha và vào chế độ hai đảng của giai đoạn Phục hồi Chuyên chế Alfonso (Restauración alfonsina), thêm một lần nữa tạo ra một chia rẽ sâu sắc về kinh tế, chính trị và xã hội ở Tây Ban Nha mà tưởng chừng như đã được phục hồi sau khi kết thúc cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi báu ở Tây Ban Nha năm 1876 (guerra carlista).

### **Sự hiện diện của Tây Ban Nha ở Nam kỳ**

- Carlos Palanca Gutiérrez, “Reseña histórica de la expedición de Cochinchina”, Madrid, 1869 (tạm dịch “Tường thuật lịch sử về cuộc viễn chinh ở Nam kỳ”), tr.13:

Nhà truyền giáo đầu tiên đến Annam là P. Diego Adverte, theo dòng Dominicain, ông đi từ Manila đến Huế vào năm 1596. Công việc truyền giáo của ông mang lại niềm hi vọng lớn cho Tây Ban Nha cho đến khi một tàu chiến Tây Ban Nha chở đầy quân lính xuất hiện ít lâu sau đó, và chính điều này đã chặn đứng tất cả những ý định của Nguyễn Hoàng, người ra lệnh dùng vũ lực buộc các quân lính Tây Ban Nha phải rút khỏi Annam, chính nhà truyền giáo P. Diego Adverte cũng bị thương trong lúc giúp đỡ những người bị thương khác trên chiến trường.

Năm 1645, một đoàn đại sứ của Tây Ban Nha bao gồm 50 lính Tây Ban Nha, một chỉ huy, bốn linh mục và hai người theo dòng Capuchin được hoàng đế Annam đón tiếp long trọng.

### **Về mối quan hệ của Pháp và Bắc kỳ (Tonkin)**

- Carlos Palanca Gutiérrez, “Reseña histórica de la expedición de Cochinchina”, Madrid, 1869 (tạm dịch “Tường thuật lịch sử về cuộc viễn chinh ở Nam kỳ”), trang 14, 15, 16:

Mối quan hệ bắt đầu từ khi Nguyễn Ánh kêu gọi Tây phương giúp đỡ chống lại quân Tây Sơn. Nhà truyền giáo người Pháp, Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine (Ba Đa Lộc) liên lạc với Nguyễn Ánh đề nghị giúp đỡ, và hơn nữa đã thuyết phục rằng sẽ giúp Nguyễn Ánh phục hồi lại ngôi báu nếu đồng ý sự hỗ trợ của Pháp. Nguyễn Ánh bắt đầu tiến hành đàm phán với Pháp để đạt được mục đích phục hồi ngôi vị. Hoàng tử Cảnh thay mặt cha đến cung điện Versailles với sự hộ tống của Bá Đa Lộc ký kết hiệp ước với Công tước Charles Gravier, thời điểm

đó là Bộ trưởng bộ Ngoại giao của vua Louis XVI, và với Armand Marc de Saint Herem, công tước Montmorin. Một trong những điều khoản được ký kết trong hiệp ước này là nhượng lại cho nước Pháp vịnh Tourane và các đảo nhỏ lân cận. Bên cạnh đó, chính quyền Annam không được truy đuổi các nhà truyền giáo Kito sau khi lên nắm quyền.

Ángel Luis Encinas Moral, trong “Breve introducción histórica a la gesta del ejército español en el transcurso de la expedición militar franco – española a Cochinchina (1859 – 1862)”, tạm dịch sang tiếng Việt, “Sơ lược về lịch sử hoạt động của quân đội Tây Ban Nha trong cuộc viễn chinh của liên minh Pháp – Tây Ban Nha ở Nam kỳ (1859 – 1862)” dành hơn 10 trang để viết về cách cai trị của các vua họ Nguyễn, về chính sách cai trị trong nước (ra sức bảo vệ các giá trị phong kiến, đàn áp các cuộc biểu tình chống đối của quần chúng nhân dân, không thực hiện bất kỳ cải cách nào, chính sách quan liêu, cuộc sống của người nông dân bị bóc lột,...). Quan hệ ngoại giao (trang 38) của nhà Nguyễn vô cùng hạn chế. Nhà Nguyễn tuân theo một cách rập khuôn cách cai trị của Trung Hoa. Đối với các nước láng giềng Lào và Cambodia, nhà Nguyễn áp dụng chính sách chinh phục lãnh thổ, điều này dẫn đến sự thù địch của các nước láng giềng mà từ đó các nước phương Tây lợi dụng vào đó để tiến hành việc sát nhập và chinh phục các nước của bán đảo Đông Dương.

### **Nguyên nhân can thiệp của Tây Ban Nha và Pháp trong cuộc viễn chinh ở Nam kỳ (Cochinchina)**

- Luis Alejandro Sintés, “La guerra de la Cochinchina. Cuando los españoles conquistaron Vietnam”, Barcelona, 2006 (tạm dịch “Cuộc chiến tranh ở Cochinchina. Khi Tây Ban Nha xâm chiếm Việt Nam”):

Đối với Tây Ban Nha, mục đích của cuộc viễn chinh đến Nam kỳ khá đơn giản: đó là lực lượng quân đội của Tây Ban Nha đặt tại ở Philippines phối hợp với quân đội Pháp (quân đội Pháp trong lúc đó lại đang liên minh với quân đội Anh trong một loạt các cuộc chiến tranh ở Trung Hoa). Tây Ban Nha cho rằng phải thiết lập lại sự hiện diện của các nhà truyền giáo Tây Ban Nha ở Nam kỳ thông qua một cuộc viễn chinh trừng phạt mà thời gian của cuộc viễn chinh được dự tính là sẽ ngắn thôi. (tr.48, 49)

Nhưng nước Pháp chiêm nghiệm mục đích cuối cùng của cuộc viễn chinh từ rất nhiều phía khác nhau.

Điều mà đối với Tây Ban Nha chỉ là một cuộc “Thánh chiến” không hơn không kém, đối với Pháp đó là một cuộc chinh phục để giành vị trí chủ chốt ở vùng Viễn Đông. Tây Ban Nha đã có mặt ở Philippines, quần đảo Mariana, quần đảo Joló ba thế kỷ trước đó, và trong nhiều thập kỷ Bồ Đào Nha đã có các trung tâm thương mại ở Ấn Độ (Goa, Damao,

Diu), và ở Trung Hoa (Ma Cao). Trong thời gian trị vì của vua Luis Felipe, Pháp đã chiếm được các đảo Lealtad, Pomotú và Sociedad và sở hữu cùng với nước Anh nhóm đảo Tân Hebrides ở Nam Thái Bình Dương (hiện nay là quốc gia Vanuatu), và mặc dù vẫn duy trì các trung tâm thương mại ở Ấn Độ, Pháp vẫn chưa chiếm hữu bất kỳ vùng đất nào ở Biển Đông.

Chính vì lý do đó, Pháp cần có một bến cảng quan trọng trong khu vực Biển Đông như một căn cứ thương mại và như một bước đầu tiên để từ đó lập ra một thuộc địa quan trọng trong khu vực.

Việc xử tử giám mục người Tây Ban Nha lúc này là một cơ hội đặc biệt có lợi cho nước Pháp. Mối quan hệ tốt đẹp giữa Pháp và Tây Ban Nha tạo điều kiện cho Pháp yêu cầu sự hỗ trợ của lực lượng quân đội của Tây Ban Nha có căn cứ ở Philippines, một sự hỗ trợ đặc biệt quan trọng về người (“những người dân vùng đất liền” - *hombres de tierra*), bộ binh và pháo binh Tây Ban Nha để lấp đi sự thiếu hụt của họ và cùng hợp tác với lính thủy và tàu chiến Pháp. Không phải tự nhiên mà Pháp yêu cầu sự hỗ trợ từ 1,000 đến 2,000 quân của lực lượng quân đội Tây Ban Nha, cũng như yêu cầu “sự ủy quyền để tuyển dụng 600 lính tagalo (Philippines). Manila đã đóng góp thêm lính thủy, đạn dược, thuốc súng, ngựa và...

Một lý do nữa ảnh hưởng quyết định đến sự can thiệp của Pháp ở Nam kỳ là muốn làm hài lòng dư luận của người theo đạo Công giáo rất bất bình về cái chết của giám mục Tây Ban Nha José Maria Díaz Sanjurjo.

Như vậy là người Pháp vừa có những lý do nặng ký để tiến hành can thiệp lại vừa có một chiến lược rõ ràng. Một đội quân hội đủ các điều kiện để “làm rối loạn” một cảng hoặc một khu vực ven biển, nhưng không phải để chiếm lãnh thổ, điều mà, sớm hay muộn, là điều mà nước Pháp mong muốn. Và Pháp đã thực hiện được bằng cách kết hợp lực lượng quân Tây Ban Nha và tagalo (Philippines) và dần dần tiếp viện thủy quân Pháp khi tình hình ở Trung Quốc lắng dịu.

“Nói một cách ngắn gọn, chúng ta (Tây Ban Nha) đã bị lợi dụng bởi một đồng minh có tầm nhìn chiến lược hơn, đóng góp nhiều quân lực hơn, với khả năng điều hành nhà nước cao hơn chúng ta, và lúc nào cũng giữ vai trò chỉ huy và chủ động trong các chiến dịch. Một đồng minh như vậy, đương nhiên, sẽ là người hưởng lợi lớn trong nỗ lực của cả hai đội quân” (trang 51).

### **Nguyên nhân khiến Pháp can thiệp (chi tiết)**

- Carlos Palanca Gutiérrez, “Reseña histórica de la expedición de Cochinchina”, Madrid, 1869 (tạm dịch “Tường thuật lịch sử về cuộc viễn chinh ở Nam kỳ”), trang 39:

Cuối thế kỷ XVIII, Pháp bắt đầu lợi dụng cuộc

chiến giữa Nguyễn Ánh và quân Tây Sơn để can thiệp vào các vấn đề nội bộ của Việt Nam.

Tuân theo hiệp ước Versailles, các nhà truyền giáo châu Âu được tự do hoạt động ở trong nước. Vai trò của các nhà truyền giáo dưới thời Gia Long thực chất là để làm cho nhà Nguyễn ký kết các thỏa thuận chính trị và thương mại có lợi cho nước Pháp. Năm 1804, Napoléon Bonaparte nói rằng: "Hội Truyền giáo nước ngoài (Sociedad de Misiones Religiosas Extranjeras) mang lại nhiều thuận lợi cho ta ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ (...), đó là một lá chắn tốt cho mục đích chính trị và thương mại".

Nhà Nguyễn nhận thấy được nguy hiểm đang gần kề và bắt đầu lo ngại cho vận mệnh của chính mình. Tuy vậy, sự chống đối của nhà Nguyễn với những ý đồ của thực dân không hiệu quả gì: từ nhượng bộ phương Tây chuyển sang cắt đứt hoàn toàn tất cả các mối quan hệ với phương Tây vì sợ hãi. (tr.40)

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản pháp vào nửa đầu thế kỷ XIX thúc đẩy chính phủ Pháp mở rộng các cuộc xâm chiếm thuộc địa, tìm kiếm thị trường mới và nguồn cung cấp tài nguyên mới. Nước Pháp có các thuộc địa ở châu Mỹ và châu Phi, tranh giành quyền lợi ở châu Á với Anh và Hoa Kỳ, tham gia vào việc phân chia Trung Quốc và Ấn Độ. Các nhà tư bản Pháp muốn chiếm Việt Nam để biến Việt Nam thành thuộc địa của mình và dùng Việt Nam làm bàn đạp để sát nhập các nước lân cận.

Chính phủ Pháp nhiều lần muốn lợi dụng Hiệp ước Versailles năm 1787 để hợp pháp hóa việc sát nhập Việt Nam. Vào những năm 40 của thế kỷ XIX Pháp gửi một đoàn sứ giả tới triều đình Huế để bàn về những điều khoản đã ký kết trước đây ở Versailles và đồng thời đe dọa triều đình Huế về việc sử dụng vũ lực. Thêm vào đó phải kể đến việc triều đình Nguyễn sát hại các nhà truyền giáo người Pháp Gagelin (1833), Marchand (1834) và các nhà truyền giáo Tây Ban Nha như Ignacio Delgado, Domingo Henares và José Fernández (1838).

Năm 1843 và 1845 đội hải quân của Pháp tiến vào Đà Nẵng. Năm 1847, một lần nữa, các tàu của Pháp lại xuất hiện ở Đà Nẵng và lần này đã nhấn chìm một số tàu chiến của Việt Nam.

Năm 1855 Pháp cử Charles de Montigny, lãnh sự ở Thượng Hải để đàm phán một thỏa thuận với vua Xiêm và nhiệm vụ ngoại giao này của Montigny đã trở thành một chuyến đi dài qua các nước khác nhau như Cambodia, Nam kỳ (Cochinchina) và Nhật Bản. Nhiệm vụ của Montigny là quan trọng để định hình chính sách ngoại giao của đế quốc Pháp ở vùng Viễn Đông.

Ngày 18-9-1855 vua Tự Đức ban hành nghị định tiến hành một cuộc đàn áp mới chống lại những dân theo đạo Ki tô.

Ngày 21-11-1855, Bá tước Walewski, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, chỉ đạo cho Montigny liên lạc

với triều đình Huế để cho triều đình Huế biết rằng hoàng đế Pháp đã biết tin về những cuộc đàn áp giáo dân theo đạo Ki tô và rằng hoàng đế rất bất bình về việc này.

Ngày 13-6-1856, Montigny yêu cầu Đô đốc Guérin hỗ trợ với hai hoặc ba tàu lớn để nhiệm vụ của ông được hoàn tất một cách tốt đẹp và cũng để tránh bị sát hại trong khi thi hành nhiệm vụ. Guérin gửi đến Đà Nẵng tàu chiến Le Catinat với sự chỉ huy của đội trưởng Lelieur de la Ville-sur-Arce, với mục đích truyền đạt lại cho triều đình Huế thông điệp của Hoàng đế Pháp và mục đích của nhiệm vụ Montigny là cố gắng thử một bước cuối cùng đến hòa bình và hòa giải để từ đó nối lại mối quan hệ hữu hảo giữa Pháp và Annam như ở thời vua Louis XVI.

Ngày 16-9-1856, Lelieur cùng tàu chiến Le Catinat đến Đà Nẵng để trao công hàm nhưng phía Việt Nam từ chối nhận, có thể lý do là để phòng thủ do đã từng bị Pháp đánh chìm tàu vào năm 1847, phía Việt Nam bắt đầu dàn quân đến các pháo đài của thành phố.

Phía Pháp nhận thấy có những chuyển động bất thường từ phía Việt Nam và sợ phía Việt Nam sẽ tấn công trước. Ngày 26-9-1856, một đoàn quân đổ bộ lên bờ trong khi tàu chiến Le Catinat bắn vào các pháo đài.

Đàm phán giữa Montigny và vua Tự Đức thất bại nhanh chóng trước sự từ chối thẳng thừng của triều đình Huế trong việc mở cửa các cảng khác ngoài cảng Đà Nẵng.

Cần phải nhấn mạnh rằng sứ mệnh hòa giải của Montigny bị thất bại chủ yếu là do thiếu sự phối hợp giữa hải quân và đoàn ngoại giao Pháp. Ngoài ra, cần phải biết thêm rằng, chính do sự thất bại đó đã đánh dấu sự khởi đầu của hàng loạt các sự kiện, can thiệp và quyết định dẫn đến việc hình thành quân liên minh Pháp - Tây Ban Nha vào năm 1858.

Ủy ban nghiên cứu các quyền lợi của Pháp ở Nam kỳ được Napoleon III thành lập năm 1856 nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu do Montigny viết. Tháng 7-1857, chính phủ Pháp đưa ra quyết định đi đánh Việt Nam.

Để tiến hành một cuộc can thiệp quân sự ở Đông Dương, và rõ hơn là ở phía Nam của Việt Nam, vùng đất được châu Âu biết tới với tên gọi Cochinchina, Pháp cần phải tìm ra một nguyên nhân gây chiến (casus belli) để giải thích cho việc này. Chẳng còn lý do nào tốt hơn là việc vua Tự Đức hạn chế các hoạt động của các nhà truyền giáo Pháp và châu Âu và các chính sách cai trị độc tài của triều đình và tầng lớp quan lại đối với những người dân chuyển sang đạo Ki tô.

Sự kiện nhà truyền giáo người Tây Ban Nha Linh mục José María Díaz Sanjurjo bị bắt giam chính là giọt nước làm tràn ly ngày 21-5-1857 với bản án là chặt đầu.

Thông tin này tới tai của Nicasio Cañete, lãnh sự

Pháp tại Trung Quốc, và ngoài ra thông tin này cũng được nhà truyền giáo dòng Dominicain Francisco Roy (giữ chức vụ giám sát Hội truyền giáo Tây Ban Nha ở Trung Quốc và Nam kỳ) báo cho ông trước đó. Ông Roy yêu cầu phái đoàn ngoại giao Tây Ban Nha hòa giải với triều đình Huế để giải phóng cho Linh mục José Maria Diaz Sanjurjo.

Cañete bàng hoàng trước thông tin tường trình của P. Roy nhưng do không có bất kỳ tàu nào trong thành phố để mang thông tin này đến cho Đại tướng ở Philippines, Cañete lập tức liên lạc với Phó Đô đốc De Genouilly, Trưởng bộ phận Hải quân Pháp ở Viễn Đông. Ngày 3-9-1857, trong lần nói chuyện với De Genouilly, Cañete yêu cầu một cách chính thức sự hỗ trợ của Alphonse de Bourboulon, Đại sứ Pháp tại Trung Quốc.

Năm ngày sau đó, Cañete gửi bản báo cáo đến triều đình Tây Ban Nha ở Madrid. Trong bản báo cáo, ông giải thích là do gặp khó khăn trong việc liên lạc với Bộ Ngoại giao và với Đại tướng ở Philippines, ông đành chọn giải pháp liên lạc với Đại sứ quán Pháp ở Bắc Kinh, người hứa sẽ hết sức hỗ trợ cho ông. Cách làm của Cañete nhận được lời tán thưởng của Chính phủ Tây Ban Nha và của Đại tướng ở Philippines.

Pháp là một nước đồng minh của Tây Ban Nha, bên cạnh đó, Pháp còn có một hạm đội Hải quân quan trọng trên Biển Đông. Pháp trang bị cho tàu chiến Catinat và Cañete đi chiếc tàu Lilly (tàu hơi nước của Bồ Đào Nha) với số tiền được hỗ trợ bởi Hội các nhà truyền giáo dòng Dominicain. Hai chiếc tàu Le Catinat và Lilly khởi hành đi Vịnh Bắc Bộ vào rạng sáng ngày 3-9-1857. Trong chuyến đi này có bá tước Michel Alexandre Kleczkowski, Thư ký của Đại sứ Pháp tại Trung Quốc, ông là người truyền đạt với chính quyền Annam mong muốn của Pháp và Tây Ban Nha về việc giải phóng cho Linh mục Garcia Sanjurjo.

Việc làm của Bá tước Kleczkowski không đạt được kết quả nào vì Linh mục Garcia Sanjurjo đã bị chặt đầu trước đó tại Nam Định ngày 20-7-1857.

Ngày 24-10-1857, Bourboulon, Đại sứ Pháp tại Trung Quốc gửi tin báo cáo về tình hình Việt Nam đến Bộ Ngoại giao Pháp. Napoléon III cảm thấy khó chịu vì những đàn áp liên tục của triều đình Nguyễn với các nhà truyền giáo Pháp ở Bắc kỳ (Tonkin) nhưng trước đó lại không thể can thiệp bằng quân sự được, lý do chủ yếu là một số lượng lớn quân Pháp đang tham gia cuộc chiến tranh ở Crimea. Việc xử tử Linh mục Diaz Sanjurjo là một cái cơ hoàn hảo và có lợi để bành trướng thuộc địa ở Đông Dương. Napoléon III cho rằng cần phải tiến hành một cuộc viễn chinh quân sự đến Việt Nam với lý do chiến tranh (casus belli) là ngăn chặn các cuộc hành quyết các nhà truyền đạo Pháp và Tây Ban Nha cũng như những giáo dân. Để làm việc này, Pháp mong muốn có sự hỗ trợ của

Tây Ban Nha, mà vợ ông, một người Tây Ban Nha sùng đạo, Hoàng hậu Eugenia de Montijo, có thể gây tác động.

Trong lúc đó, Cañete gửi cho Bộ Ngoại giao Tây Ban Nha một bản thông báo rằng nước Pháp có thể đã bắt tay vào các hoạt động chuẩn bị cho việc can thiệp quân sự ở Việt Nam và Tây Ban Nha cũng cần phải đưa ra giải pháp về vấn đề này.

Cañete khẳng định rằng Nữ hoàng Isabel II cần phải “đưa ra những giải pháp (...) không chỉ để bảo vệ cho số phận của những nhà truyền giáo đạo đức và nhân từ của chúng ta trong tương lai mà còn để trả thù cho những hành động dã man mà những nhà truyền giáo là nạn nhân từ đó cho đến giờ ở Bắc kỳ (Tonkin); nếu không, danh tiếng và phẩm giá của đất nước sẽ ở một vị trí rất tệ hại, và công dân Tây Ban Nha sẽ bị sỉ nhục và ngược đãi (...). Nếu chúng ta liên minh với người Pháp, chúng ta sẽ giành được chiến thắng trong thời gian ngắn mà không bị nhiều tổn thất và trở ngại lớn... Chúng ta có thể hỗ trợ người Pháp với một số lượng quân sẵn có ở Manila mà chỉ mất có một vài tiếng đồng hồ để đi từ Manila đến bờ biển Nam kỳ (Cochinchina). Tôi nghĩ là chỉ cần có sự hiện diện của hai hoặc ba trung đoàn Tây Ban Nha và quân đội Pháp là có thể thực thi pháp luật đối với chính phủ Việt Nam và làm cho Việt Nam tôn trọng luật lệ của nhân loại và công lý” (tạm dịch trích đoạn trong hồ sơ lưu trữ của Bộ Ngoại giao và Hợp tác, Legado 2631H, Macao, ngày 13-10-1857).

Ngày 1-12-1857, Bá tước Walewski, Bộ trưởng bộ Ngoại giao Pháp gửi một mật thư cho Louis Félix Étienne, Đại sứ Pháp tại Madrid và yêu cầu chính phủ Tây Ban Nha hỗ trợ Pháp để tổ chức một cuộc viễn chinh trừng phạt triều đình Huế. Ông cho rằng để cuộc viễn chinh đạt kết quả tốt đẹp ông cần Tây Ban Nha hỗ trợ một đội quân từ 1.000 đến 2.000 lính đánh bộ. Ngoài ra, ông cũng tha thiết muốn biết rằng liệu Nội các Tây Ban Nha, trong trường hợp muốn liên minh với Pháp, có thể cho Phó Đô đốc Rigault de Genouilly sử dụng một phần lực lượng quân Tây Ban Nha hiện đang đóng quân ở các đảo Philippines được không.

Ngày 12-12-1857, Tây Ban Nha chấp nhận lời đề nghị liên minh với Pháp. Tuy nhiên, phía Tây Ban Nha mắc phải một sai lầm nghiêm trọng đó là đã ký kết một thỏa thuận mà trong đó không xác định phạm vi và ảnh hưởng của cuộc viễn chinh và điều kiện mà liên minh Pháp – Tây Ban Nha yêu cầu Việt Nam phải thực hiện trong bản hiệp ước hòa bình được ký kết sau này. Thêm vào đó, chính quyền Tây Ban Nha đã tin tưởng một cách quá mức mối quan hệ hữu hảo với hoàng đế Pháp, người đã đạt được những lợi thế to lớn sau đó do lỗi lầm này của Tây Ban Nha. ■

(\*) Đại học Granada - Tây Ban Nha.